

## PHẨM THỨ MƯỜI BỐN: “TÙNG ĐỊA DÔNG XUẤT”

Tên của phẩm này chưa phải được xếp đặt ở đây mà hình thành nên sau một phần hỏi đáp. Do câu văn không nhiều cho nên mới quyết định ở đoạn đầu của phẩm. Do theo sau mà gọi tên cho nên nói là “đông xuất”. “Tất cả bao gồm mười bốn phẩm rưỡi kinh tức là phần Chánh thuyết tự phân làm hai đoạn”. Đoạn trước có mười hai phẩm kinh khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để nói rõ nghĩa của nhân. Từ đây trở xuống nửa phẩm “Phân biệt Công đức” có hai phẩm rưỡi kinh là đoạn thứ hai trong phần chánh thuyết tức khai mở gần mà hiển thị xa để biện minh rõ nghĩa của quả. Trong hai đoạn nêu ra nhân và biện rõ quả mỗi đoạn khai mở bốn phần. Nay trong đây cũng có bốn phần:

1. Từ ban đầu phẩm này đến câu kệ “phải một lòng tinh tấn” là nêu ra phần tựa riêng biệt về thọ lượng.

2. Từ “khi đức Thế Tôn nói kệ đó” trở xuống đến phần kệ: “Ta từ lâu xa lại, giáo hóa các chúng đó” tức lược nêu ra việc khai mở gần và hiển thị xa khiến chúng động chấp mà sanh nghi.

3. “Bấy giờ ngài Di-lặc... lòng sanh nghi hoặc lấy làm lạ chưa từng có” trở xuống đến phẩm là nêu ra đại chúng hoài nghi mà đến thỉnh hỏi.

4. Từ phẩm Thọ Lượng đến nửa phẩm Phân biệt Công đức gồm một phẩm rưỡi rộng nêu ra sự thọ mạng dài lâu để đoạn nghi sanh tín. Nay căn cứ trong bốn đoạn này mỗi đoạn trước sau đều mở làm ba phần còn hai đoạn giữa chỉ mở làm hai phần. Nay trong phần tự riêng biệt có ba mục: 1. Khai phát tựa; 2. “Di-lặc Bồ-tát” trở xuống tức nêu ra phần tựa nghi vấn; 3. “Phật bảo Di-lặc” trở xuống là tựa thuật lại để khuyến khích.

Nay trước hết nêu lên phần tựa khai phát gồm có hai phần: 1. Nguyên do khai phát; 2. “Lúc Phật nói lời đó” trở xuống tức nêu ra sự khai phát. Sở dĩ nói nguyên do khai phát là vì các Bồ-tát thị giả của Phật phân thân ở phương khác muốn thỉnh cầu lưu thông kinh. Đức Phật chỉ nói “cõi Ta-bà của ta tự có Bồ-tát có thể lưu thông kinh này nên không cần các ông nữa”. Nhân đây làm lý do cho các Bồ-tát từ đất vọt hiện lên. Lại trong hai đoạn này mỗi đoạn có hai phần. Căn cứ trong đoạn phát nguyên do có hai phần tức là. 1. Trước hết nêu ra Bồ-tát ở phương khác thỉnh cầu lưu thông kinh; 2. Phật trả lời.

“Lúc Phật nói lời đó, cõi Ta-bà” trở xuống là phần thứ hai nêu lên sự khai phát. Xét trong đây cũng có hai phần: 1. Nêu ra tướng của Bồ-

tát từ dưới đất vọt lên; 2. “Trong chúng Bồ-tát đó có bốn vị đạo sư” trở xuống tức nêu ra các Bồ-tát từ dưới đất vọt lên đến cùng Phật hỏi đáp. Nay trong phần kinh gia trình bày tướng từ dưới đất vọt lên tự có tám tướng: 1. Liệt kê tướng vọt hiện ra; 2. “Thân của các Bồ-tát đó đều có sắc vàng” trở xuống tức nêu lên hình tướng của Bồ-tát; 3. “Trước đây đều ở cõi Ta-bà này” trở xuống tức nêu ra nơi chốn Bồ-tát đi đến; 4. Các vị Bồ-tát đó nghe tiếng nói của đức Thích Ca Mâu Ni nên từ dưới đất mà đến” trở xuống là nêu ra nguyên do Bồ-tát xuất hiện. “Do đức Thích Ca nói với các Bồ-tát ở phương khác rằng: không cần các ông vì ở cõi Ta-bà của ta tự có Bồ-tát có khả năng lưu thông kinh này” tức là nêu lên đã nghe lời nói này nên mới xuất hiện đến; 5. “Mỗi vị Bồ-tát” trở xuống là nêu lên quyến thuộc của các Bồ-tát xuất hiện; 6. “Từ dưới đất vọt lên rồi trụ giữa hư không” trở xuống tức nêu ra sau khi Bồ-tát xuất hiện đều dùng ba nghiệp để cúng dường; 7. “Từ lúc các vị Bồ-tát đó từ dưới đất vọt lên” trở xuống là nêu ra thời gian xuất hiện trải qua nhiều kiếp; 8. “Bấy giờ hàng tứ chúng cũng nhờ sức thần của Phật” trở xuống tức kinh gia nêu lên bốn chúng đều thấy các Bồ-tát hiện khắp nơi. “Trong chúng Bồ-tát đó có bốn vị đạo sư” trở xuống chính là phần thứ hai nêu ra Bồ-tát từ dưới đất vọt lên cùng Phật vấn đáp. Trong phần này có bốn mục tức thành bốn đoạn mà chúng ta có thể hiểu.

“Bấy giờ, ngài Di-Lặc Bồ-tát” trở xuống là nêu lên đoạn tựa “nghe vấn” thứ hai. Trong đoạn này cũng có hai phần: 1. Nêu lên Di-lặc Bồ-tát tự hỏi Phật Thích Ca; 2. Hỏi phân thân Phật ở các phương khác Bồ-tát Di-lặc tự hỏi có hai phần: 1. Kinh gia nêu ra ý Di-lặc muốn hỏi; 2. Chính dùng kệ để hỏi. Căn cứ trong mười chín hàng rưỡi kệ tự có ba đoạn: 1. Có một hàng kệ đầu chưa phải là câu hỏi mà chỉ trước hết nêu ra cảnh trái nghịch để thỉnh Phật đáp; 2. “Là từ chốn nào đến” trở xuống có mười ba hàng kệ tức nêu ra câu hỏi; 3. Phần còn lại có năm hàng rưỡi kệ nêu ra sự tổng kết thỉnh hỏi. Lại nữa, trong mười ba hàng nêu ra câu hỏi tự có hai phần: 1. Có hai hàng nêu lên việc hỏi thân người của Bồ-tát xuất hiện; 2. Có mười một hàng kệ nêu ra câu hỏi về đạo sư của Bồ-tát xuất hiện. Trong hai hàng kệ hỏi về thân người gồm có bốn phần văn thuộc hai ý: 1. “Là từ chốn nào đến”: gồm một câu nêu ra câu hỏi về nơi chốn nào mà các Bồ-tát xuất hiện đến đây; 2. “Do nhân duyên gì nhóm” tức có một câu nêu ra câu hỏi tại sao tụ tập lại một chỗ và đồng thời xuất hiện; 3. “Thân lớn đại thần thông” trở xuống có một hàng một câu tức khen ngợi Bồ-tát đó để tổng kết câu hỏi thứ hai; 4. “Là từ chốn nào đến” tức có một câu dùng để tổng kết câu

hỏi thứ nhất. “Mỗi mỗi hàng Bồ-tát” trở xuống có mười một hàng nêu lên câu hỏi đạo sư của Bồ-tát này là ai. Căn cứ trong đây cũng có hai phần: 1. Trước hết có chín hàng kệ tụng rõ về quyền thuộc của Bồ-tát có nhiều hoặc ít tức từ sáu muôn hàng sa cho đến không có quyền thuộc nào; 2. “Các vị oai đức lớn” trở xuống có hai hàng chính là hỏi để tìm ra đạo sư của Bồ-tát xuất hiện. “Các Bồ-tát như thế, thần thông sức trí lớn” trở xuống có năm hàng rưỡi kệ là phần thứ ba tổng kết sự thỉnh trong phần hỏi.

“Khi ấy các vị Phật của đức Thích Ca phân thân” trở xuống là phần hỏi thứ hai. Từ “phân thân của Phật” trở xuống là Bồ-tát tự hỏi phân thân. Trong đây tức nêu ra hai đoạn đối đáp và hỏi.

Trong phần tựa lược thuật khuyến khích thứ ba cũng có hai phần:

1. “Đức Thích Ca bảo Di-lặc: Hay thay” trở xuống chính là thuật lại ngài Di-lặc có khả năng hỏi; 2. Trong việc khuyến khích tin tưởng có hai đoạn tức trường hàng và kệ tụng. Mỗi đoạn này được phân làm hai phần. Trong Văn Trường hàng lại có ba phần tức là: Một là “các ông phải chung một lòng” trở xuống chính là khuyến khích tin tưởng, không nhận lãnh tà giáo mà phải mặc giáp tinh tấn. Do giữ lấy thiện đạo cho nên gọi là phát ý bền vững. Hai và ba là: Trong việc nêu ra lý đã tin tưởng tự có hai phần. Ban đầu có hai câu muốn nêu ra nghĩa “mở gần và hiển thị xa” kế đến có ba câu muốn nêu ra việc hiển bày thần thông làm lợi ích cho chúng sanh trong ba đời. “Nay đức Như Lai muốn hiển phát” tức nêu ra việc khai mở gần nhằm nói rõ Phật sống tám mươi năm ấy chẳng phải là Phật chân thật “Tuyên bày trí tuệ của các đức Phật” tức nêu lên nghĩa hiển thị xa có nghĩa là số lượng tuổi thọ gấp bội ở trên. Ba câu sau: “Sức thần Thông tự tại của các đức Phật” trở xuống là nêu lên thần lực làm lợi ích cho chúng sanh trong quá khứ của Như Lai. “Sức sử tử mạnh nhanh...” câu này nói thần lực lợi ích chúng sanh của Phật đời hiện tại. “Sức oai thế mạnh lớn của các đức Phật” chính là nêu ra thần lực làm lợi ích cho chúng sanh của đức Phật trong tương lai. Trong ba câu này chỉ ngầm nói ba loại nghĩa mà là đầu mối dẫn đến phẩm Thọ lượng mới hiển bày nghĩa này. “Bấy giờ, thế Tôn” trở xuống tức nêu ra phần kệ tụng thứ hai trong đoạn khuyến khích tin tưởng. Phần này có bốn hàng được chia làm bốn ý: 1. Khuyến khích nên cố gắng siêng năng; 2. Khuyến khích tin tưởng; 3. Chỉ bảo chớ có sanh tâm nghi ngờ; 4. Chỉ bảo phải nên nhất tâm lắng nghe.

“Bấy giờ, Thế tôn nói kệ đó rồi” tức phần thứ hai trong đoạn nói rõ quả của phẩm này, lược nói về thọ mạng lâu dài” khi nếu động chấp

sanh nghi. Trong phần này có hai tức là Văn Trường hàng và kệ tụng. Trong hai phần này mỗi phần được chia làm hai đoạn. Xét trong Văn Trường hàng có hai đoạn, ở trên Bồ-tát Di-lặc hỏi có ba phần: 1. Có một kệ nêu ra sự trái nghịch mà thỉnh Phật nói; 2. Có mười ba hàng nêu ra sự thỉnh hỏi; 3. Có năm hàng rưỡi kệ dùng để tổng kết sự thỉnh hỏi... Nay chỉ đáp lại phần thứ hai chính thỉnh hỏi. Trong phần nêu ra câu hỏi cũng có hai phần: 1. Có hai hàng kệ hỏi về thân người của Bồ-tát từ đất vọt lên; 2. Có mười một hàng hỏi về bậc đạo sư của các Bồ-tát ấy là ai. Tuy nhiên nay chỉ đáp lại câu hỏi thứ hai. Trong câu hỏi này cũng có hai phần: Hỏi về quyến thuộc có nhiều hay ít và hỏi về bậc đạo sư. Nay không đáp câu hỏi thứ nhất mà chỉ đáp câu hỏi thứ hai tức bậc đạo sư là ai. Đức Phật đáp rằng: “Ta là thầy của họ” “Các vị Bồ-tát đó đều ở phía dưới cõi Ta-bà” trở xuống tức nêu ra việc trả lời câu hỏi thứ nhất. Trong việc hỏi về thân người của các Bồ-tát ở trên vốn có bốn đoạn văn thuộc hai ý. Nay không đáp lại hai văn sau. “Ở phía dưới cõi Ta-bà” trở xuống là nêu ra việc đáp lại câu hỏi thứ nhất tương ứng với ở trên nói “từ chốn nào đến”. “A dật đa” trở xuống tức đáp lại câu hỏi thứ hai tương ứng với câu hỏi ở trên nói “các Bồ-tát này do nhân duyên gì nhóm họp lại một chỗ rồi cùng lúc xuất hiện”.

“Mà nói kệ rằng” trở xuống là phần thứ hai tức kệ tụng. Tuy nhiên trong Văn Trường hàng ở trên vốn có hai đoạn và nay tám hàng rưỡi kệ cũng nêu ra hai đoạn ở trên nhưng lời văn kết thành ba đoạn: 1. Có một hàng ba câu nêu ra đoạn thứ nhất tức “Ta là Thầy của họ”; 2. Có hai hàng ba câu nêu ra lời đáp câu hỏi về thân người thứ hai; 3. “Chí niệm kia bền vững” trở xuống có bốn hàng thông suốt nêu lên hai đoạn trước. Căn cứ trong đoạn thứ hai tức có hai hàng ba câu vốn có bốn phần tương ứng với câu hỏi Di-lặc “Y chỉ thế giới này” gồm một câu đáp lại câu hỏi thứ nhất “là từ chốn nào đến. “Thường tu hạnh đầu đà” trở xuống có một hàng nêu ra việc đáp lại câu hỏi thứ hai “do nhân duyên gì...”. “Các vị đó như thế” trở xuống có một hàng đáp lại phần thứ ba “khen ngợi các Bồ-tát”. “Ở phương nước Ta-bà” trở xuống có nửa hàng kệ nêu lên việc đáp lại câu hỏi thứ tư “là từ chỗ nào đến”.

“Lúc bấy giờ, ngài Di-lặc Đại Bồ-tát v.v... lòng sanh nghi hoặc, lấy làm lạ chưa từng có” trở xuống là đoạn thứ ba nêu ra đại chúng hoài nghi mà đến thỉnh hỏi. Căn cứ trong đoạn này có hai phần: 1. Kinh gia trình bày đại chúng có nghi ngờ; 2. “Liên bạch Phật rằng” trở xuống là nêu ra việc thỉnh hỏi và tự có hai phần tức Văn Trường hàng và kệ tụng. Trong Văn Trường hàng cũng có hai phần: nêu ra sự nghi ngờ và

---

sự thỉnh hỏi.

Lại trong hai đoạn này, mỗi đoạn được phân làm hai. Trong đoạn nêu ra sự nghi ngờ có hai phần: 1. “Liền bạch Phật rằng: Thế Tôn, đức Như Lai lúc làm Thái tử” trở xuống tức trước hết nêu ra việc dùng pháp thuyết để nói rõ nghi ngờ; 2. “Thí như cha trẻ con già” tức là dùng thí dụ để thuyết nêu lên sự nghi ngờ. “Chúng con đâu lại tin Phật tùy cơ nghi nói pháp” trở xuống là đoạn thứ hai “thỉnh cầu”. Đoạn này cũng có hai phần: 1. Di-lặc tự thuật lại sự hiểu biết của mình; 2. “Nhưng các Bồ-tát mới phát tâm” trở xuống là nêu ra việc vì người chưa tin hiểu mà cầu xin giải đáp.

“Mà nói kệ rằng”: trở xuống có mười bốn hàng kệ nêu ra việc hoài nghi mà thỉnh hỏi. Trong đoạn trên vốn có hai phần: 1. Tức là nêu ra sự nghi ngờ và nêu lên việc thỉnh hỏi. Nay trong mười bốn hàng kệ này cũng được phân làm hai: 1. Có mười một hàng kệ nêu ra sự nghi ngờ ở trên; 2. “Chúng con từ Phật nghe” trở xuống có ba hàng nêu lên sự thỉnh hỏi ở trên.

Tuy nhiên trong sự nghi ngờ ở trên cũng có hai phần: 1. Dùng pháp thuyết để nêu lên sự nghi ngờ; 2. Dùng thí dụ thuyết để nêu ra sự nghi ngờ.

Nay trong mười một hàng kệ cũng được phân làm hai phần. Ban đầu có năm hàng nêu lên việc dùng pháp để thuyết và sau đó có sáu hàng nêu ra việc dùng thí dụ để thuyết. “Chúng con từ Phật nghe” trở xuống có ba hàng thì hàng thứ hai trong kệ tụng nêu lại phần thứ hai “thỉnh cầu” trong Văn Trường hàng ở trên. Nhưng trong việc thỉnh cầu vốn có hai mục 1. Nêu lên ngài Di-lặc tự thuật lại sự hiểu biết của mình; 2. Vì người chưa hiểu mà thỉnh hỏi.

Nay ba hàng này cũng được phân làm hai phần: 1. Có nửa hàng kệ nêu ra phần thứ nhất tức nói lên ngài Di-lặc tự thuật lại sự hiểu biết của mình; 2. Có hai hàng rưỡi kệ còn lại nêu lên phần thứ hai “vì người chưa hiểu mà thỉnh hỏi”.

